

Số: /UBNDT-KHTC

*Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2022*

V/v tham gia ý kiến góp ý đối với dự  
thảo Quy hoạch không gian biển quốc  
gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến  
năm 2045

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Phúc đáp công văn số 3259/BTNMT-TCBHĐVN ngày 13/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Ủy ban Dân tộc có ý kiến như sau:

**1. Ý kiến chung:**

- Về nguyên tắc: Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được xây dựng trên cơ sở tích hợp nhiệm vụ quy hoạch của các quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia. Về cơ bản Ủy ban Dân tộc nhất trí với dự thảo Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Theo hồ sơ dự thảo "Báo cáo tổng hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050", dân cư vùng biển đa phần là người Kinh, tỷ lệ người dân dân tộc thiểu số chỉ chiếm khoảng 9% tổng dân số địa phương, song một số địa phương có tỷ lệ DTTS khá cao như Sóc Trăng (36%), Trà Vinh (32,4%), Ninh Thuận (23,1%) hay Thanh Hóa (18,6%) và tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo khá cao như Sóc Trăng (13,7% hộ nghèo và 15,6% hộ cận nghèo), Trà Vinh (11,2% hộ nghèo và 13,2% hộ cận nghèo), Ninh Thuận (25,1,7% hộ nghèo và 16,9% hộ cận nghèo) hay Thanh Hóa (18,2% hộ nghèo và 19,9% hộ cận nghèo) và Khánh Hòa (50,6% hộ nghèo và 19,5% hộ cận nghèo). Vì vậy quy hoạch chung cần bổ sung đánh giá thực trạng, nguyên nhân và định hướng ưu tiên phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, phù hợp với mục tiêu tích hợp các chính sách đã được Đảng, Nhà nước xác định trong các văn kiện, các chương trình, chính sách dân tộc; mục tiêu phát triển tổng thể, bền vững về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

- Hiện nay các vùng và các tỉnh thành trên toàn quốc, đặc biệt các tỉnh thành duyên hải cũng đang trong quá trình lập quy hoạch cấp vùng và cấp tỉnh,

vì vậy đề nghị công tác lập Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 cần hoàn thành sớm để các vùng và các tỉnh thành liên quan làm căn cứ xây dựng quy hoạch từng vùng, từng tỉnh.

- Việc xác định tầm nhìn đến năm 2050 cần quan tâm tích hợp 17 chỉ tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (theo Nghị quyết số 136/NQ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ về phát triển bền vững; Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 20/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phát triển bền vững...).

## **2. Một số ý kiến cụ thể đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung:**

Trong hồ sơ dự thảo "Báo cáo tổng hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050", cần quan tâm, tích hợp, bổ sung các vấn đề sau:

- Tên quy hoạch cần phải được thống nhất trong nội dung mục Tên quy hoạch (tr3) và ngoài bìa hồ sơ dự thảo "Báo cáo tổng hợp Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050" là "Quy hoạch không gian biển quốc gia" hay là "Quy hoạch không gian biển Việt Nam", và "tầm nhìn đến 2050" trong Hồ sơ dự thảo và "tầm nhìn đến 2045" trong công văn số 3259/BTNMT-TCBHDVN ngày 13/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Mục III, Phần II, "Thực trạng sử dụng KGB phục vụ phát triển các ngành kinh tế phát triển kinh tế" (tr96): đề nghị phân tích sâu về "phát triển kinh tế xanh và bền vững" trong đó cần làm rõ lợi thế, hạn chế ảnh hưởng đến sự phát triển trong dài hạn của nền kinh tế, đặc biệt là tỷ trọng của khoa học, công nghệ, vốn, chất lượng nguồn nhân lực trong sự phát triển.

- Mục VI, Phần II, "Những lợi thế cạnh tranh, điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức đối với Việt nam trong khai thác, sử dụng không gian biển" (tr195): chưa phân tích đầy đủ nguyên nhân chủ quan, đặc biệt là mối quan hệ về chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với thực hiện các chính sách trên địa bàn, công tác thu hút đầu tư, phát huy nội lực và thu hút các nguồn lực trong nước và ngoài nước.

- Khoản 1, Mục II, Phần IV, "Định hướng phát triển bền vững kinh tế biển đối với các vùng" (tr199): đề nghị quy hoạch cần quan tâm tới vấn đề về phát triển nóng, bảo vệ môi trường, đô thị hoá tự phát, y tế - giáo dục, an ninh trật tự và công bằng xã hội. Đề nghị bổ sung đánh giá và đề xuất giải pháp nâng cao năng suất lao động, phát triển các làng nghề truyền thống nhằm tăng thu nhập và thu hút vốn nhân rồi của người dân.

- Khoản 2, Mục II, Phần IV, "Định hướng phát triển bền vững kinh tế biển đối với các vùng" (tr199): đề nghị phân tích rõ với xu thế hiện nay của địa chính trị khu vực và toàn cầu, kinh tế biển còn có vai trò hỗ trợ công tác quốc phòng, an ninh, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền của Việt Nam

- Khoản 4, Mục II, Phần IV, “Sắp xếp và tổ chức không gian bảo tồn di sản văn hóa và phát triển các khu du lịch, thể thao” (tr203): chưa thấy phân tích sâu và nêu rõ các giải pháp về bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, xóa đói giảm nghèo nói chung và khu vực đồng bào dân tộc thiểu số nói riêng. Đặc biệt như đã nêu ở trên, tỷ lệ người dân dân tộc thiểu số chỉ chiếm khoảng 9% tổng dân số địa phương, nhưng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo khá cao. Đề nghị quy hoạch cần bổ sung kế hoạch, giải pháp giảm nghèo mang tính tổng thể, bền vững và tranh thủ được các nguồn lực để nâng cao đời sống của đồng bào cả vật chất và tinh thần. Để đảm bảo mục tiêu đề ra cần phải có đánh giá chi tiết các chỉ tiêu về hạ tầng, cơ sở vật chất, dân cư, nguồn lao động, giáo dục, y tế, văn hoá, kinh tế, xã hội của khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn làm cơ sở cho phương án quy hoạch phát triển.

- Khoản 10, Mục II, Phần IV, “Sắp xếp và tổ chức không gian cho phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới” (tr227): đây là mục rất quan trọng, đề nghị phân tích làm rõ và có quy hoạch cụ thể không gian dành cho các dự án phát triển năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới để các quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch các tỉnh thành ven biển làm cơ sở đề xuất quy hoạch một cách thống nhất và đồng bộ, quan hệ mật thiết tới lĩnh vực kinh tế, chính trị, an ninh quốc phòng và môi trường.

- Khoản 1, Mục I, Phần V, “Cơ chế, chính sách quản lý không gian biển” (tr275): đề nghị bổ sung và làm rõ các giải pháp cần gắn với kế hoạch, tiến độ về cải thiện môi trường, quản lý phát triển, tầm nhìn, cải cách hành chính, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp...

- Khoản 2, Mục I, Phần V, “Môi trường, khoa học và công nghệ” (tr276), đề nghị bổ sung các chỉ tiêu, định mức về:

- + Hiện đại hóa công nghệ để giảm thiểu hao phí nhiên liệu, tài nguyên;
- + Thực hiện việc chuyển giao và áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật về công nghiệp khai thác, giao thông, năng lượng tái tạo, nuôi trồng và khai thác thủy hải sản, nhằm tăng năng suất lao động;
- + Đẩy mạnh công tác xã hội hóa và bảo vệ môi trường, xây dựng Hệ thống cảnh báo thiên tai;
- + Xây dựng kế hoạch hành động tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

- Khoản 4, Mục I, Phần V, “Phát triển nguồn nhân lực” (tr277), đề nghị bổ sung: Giải pháp phát triển thị trường lao động.

- Khoản 5, Mục I, Phần V, “Huy động vốn đầu tư” (tr277): đề nghị tăng cường và cụ thể các giải pháp:

- + Xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn thu;

+ Huy động nguồn vốn đầu tư từ doanh nghiệp, đón các làn sóng chuyển dịch đầu tư thời kỳ hậu Covid-19;

+ Kiêu hởi và kêu gọi đóng góp đầu tư của người dân.

Trên đây là ý kiến góp ý của Ủy ban Dân tộc, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu, tổng hợp./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBĐT (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ KHTC (02).

**KT. BỘ TRƯỞNG CHỦ NHIỆM  
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**

**Lê Sơn Hải**